| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – TÂY NINH**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 99/2025/DS-ST
Ngày: 17 – 12 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Văn Truyện;

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Quây - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 16/6/2025 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2.

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường N, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N – Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc (theo Quyết định số 3510/2025/QĐ-QTNNL ngày 22/5/2025).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh P – Chức vụ: T8 (Theo Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Quyết định số 955/2023/QĐ-QTNNL ngày 14/3/2023).

Địa chỉ phòng G: Số E đường H, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh).

*2. Bị đơn, gồm:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987.

2.2. Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây

Ninh).

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm*:

3.1. Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Phú H – Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Ngọc T1 – Chấp hành viên phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tây Ninh (theo Văn bản số 1112/THADS-KV8 ngày 07/8/2025).

Địa chỉ: Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.3. Bà Dương Thị Thanh T2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Long An (Nay là xã H, tỉnh Tây Ninh).

3.4. Ông Đặng Hữu V1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An (Nay là xã H, tỉnh Tây Ninh)

3.5. Ông Võ Lê Quốc T3, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.6. Bà Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.7. Bà Đỗ Ngọc H1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.8. Ông Lê Thanh H2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.9. Ông Hồ Tấn S, sinh năm 1966.

3.10. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.11. Bà Phạm Thị Huỳnh N2, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ liên lạc: J14, đường H nối dài, khu dân cư T, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

3.12. Công ty TNHH S3.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1983 – Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.13. Bà Trần Thị Ngọc H3, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.14. Cháu Võ Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2008; cháu Võ Thị Thiên K1, sinh năm 2014 và cháu Võ Ngọc Thiên A, sinh năm 2017.

Người đại diện hợp pháp của cháu K, cháu K1, cháu A: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987 và ông Võ Ngọc T, sinh năm 1983 (là cha mẹ).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

*Tại phiên toà có mặt ông Trần Minh P và ông Trần Ngọc T1; các đương sự còn lại vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 và phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:*

Ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có ký các hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S2 (Ngân hàng TMCP S2), cụ thể:

1/ Hợp đồng tín dụng số 202126181996 ngày 06/07/2021 với hạn mức cấp tín dụng là 500.000.000 đồng, mục đích bên vay sử dụng vốn sản xuất nông nghiệp. Tại Giấy nhận nợ số LD2225700651 ngày 14/9/2022 bà D và ông T vay 150.000.000 đồng lãi suất tại thời điểm vay 11%/năm, lãi suất có thay đổi từng kỳ, hạn trả gốc là 14/9/2023, hạn trả lãi 06 tháng/kỳ. Giấy nhận nợ số LD2227300265 ngày 30/9/2022 bà D và ông T vay 200.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm vay 12%/năm, lãi suất có thay đổi từng kỳ, hạn trả gốc là ngày 30/9/2024, hạn trả lãi 06 tháng/kỳ. Lãi suất quá hạn của khoản nợ theo 02 giấy nhận nợ bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến khi Ngân hàng khởi kiện là ngày 03/12/2024 thì bà D và ông T đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Tính đến nay (ngày 17/12/2025) thì bà D và ông T còn nợ Ngân hàng tổng nợ gốc là 350.000.000 đồng và nợ lãi là 236.423.050 đồng.

2/ Hợp đồng tín dụng số 202126181989 ngày 06/7/2021 và Giấy nhận nợ số LD2118700621 ngày 06/7/2021. Ngân hàng cho ông T và bà D vay số tiền 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 10 năm, trả nợ gốc theo kỳ cứ mỗi năm/kỳ số tiền là 130.000.000 đồng, trả nợ lãi 06 tháng/kỳ. Bà D và ông T đã trả được một kỳ nợ gốc là 130.000.000 đồng

Tính đến khi Ngân hàng khởi kiện thì ông T và bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận. Số tiền nợ gốc còn 1.170.000.000 đồng và nợ lãi là 423.630.407 đồng.

3/ Ngân hàng TMCP S2 phát hành thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/7/2021 cho bà Nguyễn Thị Thùy D gồm 02 thẻ:

Số thẻ 970403-7012 hạn mức cho vay là 100.000.000 đồng. Lãi suất được xác định tại Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau: Lãi suất trong hạn 24,6%/năm, lãi suất quá hạn 36,9%/năm. Cách tính lãi trên số dư nợ còn lại, thời gian tính lãi vào ngày 15 hàng tháng. Cách xác định dư nợ để tính lãi: Đối với khoản vay chưa chuyển sang nợ xấu: Dự nợ là số tiền mà chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ. Đối với khoản vay đã chuyển sang nợ xấu: Dự nợ là số tiền cuối kỳ của kỳ thanh toán phát sinh quá hạn.

Tính đến khi Ngân hàng khởi kiện thì khoản vay thẻ tín dụng của bà D đã chuyển sang nợ xấu vì bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 17/12/2025 thì bà D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 64.544.073 đồng và lãi là 6.371.184 đồng.

Số thẻ 356480-3090 hạn mức là 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất được xác định tại Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau: Lãi suất trong hạn 10,08%/năm, lãi quá hạn là 15,12%/năm. Cách tính lãi: trả lãi trên số dư nợ còn lại. Thời gian tính lãi vào ngày 25 hàng tháng. Cách xác định dư nợ để tính lãi: Đối với khoản vay chưa chuyển sang nợ xấu: Dư nợ là số tiền mà chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị của các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ. Đối với khoản vay đã chuyển sang nợ xấu: Dư nợ là số tiền cuối kỳ của kỳ thanh toán phát sinh quá hạn.

Tính đến khi Ngân hàng khởi kiện thì khoản vay thẻ tín dụng của bà D đã chuyển sang nợ xấu vì bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 17/12/2025 thì bà D còn nợ gốc 19.954.133 đồng và nợ lãi 15.850.600 đồng.

4/ Ngân hàng TMCP S2 phát hành thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/7/2021 cho ông Võ Ngọc T là chủ thẻ số 970403-7707, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng.

Lãi suất được xác định tại Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau: lãi suất trong hạn 24,6%/năm, lãi quá hạn 36,9%/năm. Cách tính lãi: Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng; cách xác định dư nợ để tính lãi. Đối với khoản vay chưa chuyển sang nợ xấu: Dư nợ là số tiền mà chủ thẻ sử dụng gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụn thẻ; đối với khoản vay đã chuyển sang nợ xấu: Dư nợ là số tiền cuối kỳ của kỳ thanh toán phát sinh quá hạn.

Tính đến trước khi khởi kiện thì khoản vay đã chuyển sang nợ xấu. Tính đến ngày 17/12/2025 thì ông T còn nợ gốc 100.482.779 đồng và nợ lãi 115.231.725 đồng.

5/ Về biện pháp bảo đảm, bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T ký hai hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm các khoản vay cho Ngân hàng, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181989 ngày 06/7/2021 số công chứng 2809, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD.3 tại Văn phòng C giữa ngân hàng với ông T và bà D, thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 744, thửa số 965 và thửa số 963 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181996 ngày 06/7/2021 số công chứng 2810 quyên số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD.3 tại Văn phòng C giữa Ngân hàng với ông T và bà D đối với thửa đất số 301 tờ bản đồ 9, loại đất rừng sản xuất toạ lạc xã T, thị xã K.

Do bà D và ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng đã đồng ý cho cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên đối với các tài sản thế chấp để thi hành cho các nghĩa vụ của bà D và ông T nhưng phải ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng trước. Đến nay, cơ quan thi hành án dân sự đã kê biên và bán đấu giá thành 03 thửa đất là thửa 744, thửa số 965 và thửa số 963 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K. Số tiền thu được thì cơ quan thi hành án đã thanh toán cho Ngân hàng là 1.500.574.193 đồng vào ngày 30/9/2025. Ngân hàng đã sử dụng để thanh toán cho khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 202126181989 ngày 06/7/2021 và Giấy nhận nợ số LD2118700621 ngày 06/7/2021, cụ thể trả nợ gốc 1.169.999.999 đồng, nợ lãi 328.574.194 đồng, tổng cộng là 1.498.574.193 đồng. Do đó tính đến ngày 17/12/2025 thì dư nợ gốc của hợp đồng nêu trên còn 01 đồng và nợ lãi là 269.220.369 đồng. Số tiền còn (1.500.574.193 đồng - 1.498.574.193 đồng) = 2.000.000 đồng thì Ngân hàng đã cấn trừ vào nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng trong vụ án.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà D phải thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/12/2024 là 2.355.060.248 đồng. Tuy nhiên do Ngân hàng đã thu hồi được một phần nợ nên nay chỉ yêu cầu bà D và ông T liên đới trả số tiền còn nợ tính đến ngày 17/12/2205 là 1.178.077.914 đồng, trong đó nợ gốc là 534.980.986 đồng, nợ lãi 643.096.928 đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 202126181996 ngày 06/07/2021: Nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi vay là 236.423.050 đồng

Hợp đồng tín dụng số 202126181989 ngày 06/07/2021: Nợ gốc là 01 đồng và tiền lãi còn nợ là 269.220.369 đồng.

Thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Thùy D theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, số thẻ 356480-3090 ngày 08/7/2021: Nợ gốc là 19.954.133 đồng và tiền lãi 15.850.600 đồng

Thẻ tín dụng của ông Võ Ngọc T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, số thẻ 970403-7707 ngày 08/7/2021: Nợ gốc là 100.482.779 đồng và tiền lãi là 115.231.725 đồng

Thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Thùy D theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, số thẻ 970403-7012 ngày 08/7/2021, số tiền nợ gốc là 64.544.073 đồng và lãi là 6.371.184 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu bà D và ông T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/12/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà D và ông T liên đới thanh toán toàn bộ số nợ trên vì bà D và ông T là vợ chồng, cùng ký hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, mục đích vay tiền để sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng.

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 202126181196 ngày 06/7/2021 được công chứng tại Văn phòng C đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 9 toạ lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ. Khi nhận thế chấp tài sản theo hợp đồng số 202126181996, bên thế chấp có ký Biên bản khảo sát hiện trạng bất động sản ngày 05/7/2021 và bản cam kết thế chấp toàn bộ tài sản trên đất cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 1.169.999.999 đồng và nợ lãi là 328.574.194 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202126181989 ngày 06/7/2021 và Giấy nhận nợ số LD2118700621 ngày 06/7/2021. Ngân hàng không yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/7/2021 số công chứng 2809, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD.3 tại Văn phòng C giữa ngân hàng với ông T và bà D đối với các thửa đất số 744, 965 và 963 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng, yêu cầu bà D và ông T phải chịu chi phí này. Khi xử lý tài sản thế chấp của bà D và ông T các thửa đất số 744, 965 và 963, trong số tiền cơ quan thi hành án đã thanh toán cho ngân hàng, thì ngân hàng đã cấn trừ xong khoản tiền này.

*Bị đơn ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp ngày 17/02/2025 trình bày:*

Trên thửa đất số 301 tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K có những người đang sinh sống gồm bà D, ông T và các con của ông bà là cháu Võ Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2008, Võ Thị Thiên K1 sinh năm 2014 và Võ Ngọc T5 An sinh năm 2017. Xưởng nước đá trên thửa đất số 301 xây dựng vào năm 2019 là bà D, ông T và bà Trần Thị Ngọc H3 cùng hùn hạp làm ăn, bà H3 đưa chi chí cho bà D ông T xây dựng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh có người đại diện trình bày*:

Hiện cơ quan thi hành án đã bán đấu giá xong 03 thửa đất số 744, thửa số 965 và thửa số 963 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T. Việc kê biên bán đấu giá là đúng quy định pháp luật và được sự thống nhất đồng ý của bên nhận bảo đảm là Ngân hàng TMCP S2.

Số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản là 1.607.887.693 đồng, sau khi thanh toán các khoản chi phí cưỡng chế phát sinh theo quy định thì cơ quan thi hành án đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S2 là 1.500.574.193 đồng theo Bảng kê phân phối tiền thi hành án ngày 26/9/2025.

Đối với thửa đất số 301 tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K thì cơ quan thi hành án đã kê biên nhưng chưa bán đấu giá thành. Trường hợp bán đấu giá thành, sau khi trừ các chi phí cưỡng chế sẽ ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng. Cơ quan thi hành án dân sự không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Huỳnh N2 trình bày*:

Bà D và ông T nợ bà N2 với số tiền khoảng 2.000.000.000 đồng, đã có bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện nay cơ quan thi hành án đang kê biên tài sản của bà D và ông T, trong đó có các thửa đất số 744, thửa số 965, thửa số 963, thửa 301 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T.

Các thửa đất này bà D và ông T đã thế chấp Ngân hàng TMCP S2 nên Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì bà N2 cũng thống nhất. Đề nghị giải quyết sớm vụ án để nhanh chóng xử lý tài sản, sau khi thanh toán nợ cho Ngân hàng thì xử lý khoản nợ của bà D và ông T cho bà N2.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích N1 trình bày*:

Bà D và ông T nợ bà N1 với số tiền khoảng 97.000.000 đồng, đã có bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện nay cơ quan thi hành án đang kê biên tài sản của bà D và ông T, trong đó có các thửa đất số 744, thửa số 965, thửa số 963 và thửa 301 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T.

Các thửa đất này bà D và ông T đã thế chấp Ngân hàng TMCP S2 nên Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đẻ bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà cũng thống nhất. Đề nghị giải quyết nhanh chóng vụ án để xử lý tài sản, sau khi trả nợ cho Ngân hàng thì thi hành trả nợ cho bà N1.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Tấn S trình bày*:

Bà D và ông T nợ vợ chồng ông S, bà Nguyễn Thị Tích S1 tiền khoảng 6.000.000.000 đồng, đã có bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện nay cơ quan thi hành án đang kê biên tài sản của bà D và ông T, trong đó có các thửa đất số 744, thửa số 965 và thửa số 963, thửa 301 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T.

Các thửa đất này bà D và ông T đã thế chấp Ngân hàng TMCP S2. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông S cũng thống nhất. Ông đề nghị giải quyết nhanh vụ án để xử lý tài sản, sau khi trả nợ cho Ngân hàng thì thi hành trả nợ cho ông S và bà T4.

Đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi cho bà D và ông T để giảm một phần nghĩa vụ trả nợ của bà D và ông T cho Ngân hàng, số tiền còn lại từ việc thi hành bán đấu giá tài sản để thi hành trả nợ cho ông và nhiều người khác.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Võ Lê Quốc T3, ông Lê Thanh H2, bà Nguyễn Thị T6 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày.*

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị Thu V, bà Dương Thị Thanh T2, ông Đặng Hữu V1, bà Đỗ Ngọc H1, bà Trần Thị Ngọc H3, ông Võ Ngọc T (đại diện cho công ty TNHH S3), bà Nguyễn Thị Thùy D là đại diện của cháu K, cháu K1, cháu A vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình xem xét, giải quyết vụ án. Tại phiên toà, đại diện của nguyên đơn, đại diện của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông T, bà D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 119, 398, 299, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại

Cổ phần S2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181996 ký ngày 06/07/2021 được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2810, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 chi nhánh L -PGD Kiến Tường với bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Võ Ngọc T; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2 về tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D đối với số tiền nợ vay gốc là 1.169.999.999 đồng và nợ lãi là 328.574.194 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202126181989 ký ngày 06/7/2021.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 khởi kiện yêu cầu ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D liên đới trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết. Căn cứ Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T có địa chỉ cư trú tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nay là xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó căn cứ Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An nay là Toà án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Võ Ngọc T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Võ Lê Quốc T3, bà Nguyễn Thị Bích N1, ông Lê Thanh H2, ông Hồ Tấn S, bà Nguyễn Thị T6, bà Phạm Thị Huỳnh N2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự gồm bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Trần Thị Thu V, bà Dương Thị Thanh T2, ông Đặng Hữu V1, bà Đỗ Ngọc H1, bà Trần Thị Ngọc H3, ông Võ Ngọc T (đại diện công ty TNHH S3 và đại diện theo pháp luật của cháu K, cháu K1, cháu A) vắng mặt không có lý do và đã được cấp, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, thông báo mở phiên toà. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Về phạm vi giải quyết vụ án: Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Nội dung vụ án:

[5.1] Xét thấy, ngày 03/11/2025 Ngân hàng TMCP S2 nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà D và ông T đối với số tiền nợ gốc là 1.169.999.999 đồng và nợ lãi là 328.574.194 đồng theo hợp đồng tín dụng số 02126181989 ngày 06/07/2021. Do đó, căn cứ Điều 217, 218 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng.

[5.2] Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Ngọc T liên đới thanh toán tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 17/12/2025 là 1.178.077.914 đồng, trong đó nợ gốc là 534.980.986 đồng, nợ lãi 643.096.928 đồng theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và yêu cầu trả lãi kể từ ngày 18/12/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Bị đơn bà D và ông T vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Xét thấy, Ngân hàng cung cấp các hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ có chữ ký của bà D và ông T xác nhận có vay tiền của Ngân hàng, cụ thể: Theo hợp đồng tín dụng số 202126181996 ngày 06/07/2021, bà D và ông T vay tổng số tiền 350.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 202126181989 ngày 06/7/2021 bà D và ông T vay của Ngân hàng 1.300.000.000 đồng. Ngoài ra bà D và ông T còn ký các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay của Ngân hàng với hạn mức cấp thẻ là 100.000.000 đồng.

Ngân hàng xác nhận từ khi vay tiền đến nay bà D và ông T chưa thanh toán nợ của hợp đồng tín dụng số 202126181996; đối với khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 202126181989 bà D và ông T đã thanh toán được một kỳ nợ gốc là 130.000.000 đồng, ngoài ra Ngân hàng đã thu hồi được một phần nợ gốc, lãi là 1.498.574.193 đồng nên số nợ gốc còn 01 đồng và nợ lãi 269.220.369 đồng và còn nợ tiền đối với các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

Tại Mục 1 phần các điều khoản chung của các hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết có thoả thuận Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp khách hàng có dư nợ tại Ngân hàng vi phạm hợp đồng tín dụng. Trước khi Ngân hàng khởi kiện phía bà D và ông T đã vi phạm nghĩa vụ và đã được Ngân hàng thông báo về việc thu hồi nợ. Tuy nhiên bà D, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã cam kết.

Xét thấy, bị đơn bà D và ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày nên được xem là tự từ bỏ quyền nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D và ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho số nợ mà Ngân hàng đang yêu cầu.

Do đó, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2, buộc bà D và ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ vay gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu.

[5.3] Về biện pháp bảo đảm:

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181996 ngày 06/07/2021 được công chứng tại văn phòng C, số công chứng 2810, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T do ông T và bà D đứng tên để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngân hàng cho rằng khi nhận thế chấp thì có tiến hành thẩm định, trên đất có nhà và xưởng nước đá, phía bà D và ông T đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản trên đất và cam kết đây là tài sản của bà D, ông T theo bản cam kết thế chấp ký ngày 06/7/2021 nên tài sản trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng, có đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đúng quy định về hình thức và nội dung theo Điều 188 Luật Đất đai 2013; các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự 2015. Tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp nêu trên có thoả thuận về nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng số 202126181996 và tất cả các sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ; các nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với Ngân hàng bao gồm các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp. Do đó Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà D và ông T là có cơ sở chấp nhận.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất số 301 có nhà của vợ chồng bà D và ông T, hiện ông bà đang sinh sống cùng 03 con là cháu Võ Nguyễn Hoàng K, Võ Nguyễn Thiên K2 và Võ Nguyễn Thiên A1. Căn cứ hợp đồng thế chấp mà các bên đã thoả thuận và căn cứ Biên bản khảo sát hiện trạng BĐS ngày 05/7/2021 và Bản cam kết thế chấp ngày 06/7/2021 giữa bà D, ông T với Ngân hàng thì tài sản trên cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra trên thửa đất số 301 có một xưởng nước đá hiện bà D và ông T đang quản lý sử dụng, phía trên xưởng có gắn bảng công ty TNHH S3. Toà án đã cấp tống đạt cho ông Võ Ngọc T là người đại diện theo pháp luật của công ty, tuy nhiên ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/02/2025 bà D và ông T trình bày xưởng nước đá là tài sản của bà D, ông T trong đó có hùn hạp làm ăn với bà Trần Thị Ngọc H3. Hội đồng xét xử đã đưa bổ sung bà H3 vào tham gia tố tụng, tuy nhiên bà H3 vắng mặt và không có ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ, ngoài ra theo tài liệu mà Toà án thu thập thì vào ngày 24/02/2025 bà H3 có khởi kiện bà D và ông T trả 1.152.000.000 đồng tiền góp vốn (không tranh chấp nhà xưởng).

Ngoài ra, căn cứ hợp đồng thế chấp mà các bên đã thoả thuận và căn cứ vào Biên bản khảo sát hiện trạng BĐS ngày 05/7/2021; Bản cam kết thế chấp ngày 06/7/2021 ký giữa bà D, ông T với Ngân hàng thì ông T và bà D thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ở và xưởng nước đá.

Như vậy, tài sản trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về trường hợp bà D và ông T không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng được yêu cầu xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Xét thấy, thửa đất số 301 đã được phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tây Ninh kê biên, chưa bán đấu giá. Đại diện cơ quan thi hành án trình bày trường hợp bán đấu giá thành sau khi trừ các chi phí cưỡng chế, sẽ ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với bà D và ông T là phù hợp quy định Điều 47, Điều 90 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181989 ngày 06/7/2021 số công chứng 2809 tại Văn phòng C giữa ngân hàng với ông T và bà D thế chấp quyền sử dụng đất các thửa số 744, 965, 963 cùng tờ bản đồ số 9 toạ lạc xã T, thị xã K. Ngân hàng trình bày tài sản trên đã được cơ quan thi hành án dân sự xử lý xong nên không có ý kiến yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án vào ngày 17/02/2025 thì trên thửa đất số 965 và 963 có bà Mai Phương T7 sinh sống, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp nêu trên nên Hội đồng xét xử không đưa bà T7 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng do Ngân hàng TMCP S2 nộp tạm ứng. Ngân hàng đề nghị ông T và bà D phải chịu chi phí này là phù hợp Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Ngân hàng trình bày và thừa nhận đã cấn trừ vào khoản tiền mà cơ quan thi hành án chuyển cho Ngân hàng sau khi xử lý tài sản của ông T bà D. Do đó được xem là ông T và bà D đã nộp xong.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông T và bà D phải liên đới nộp án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147,157, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D.

1.1. Buộc ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền nợ vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi là 236.423.050 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202126181996 ký ngày 06/07/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 – chi nhánh L – T8 với ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D.

1.2. Buộc ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền nợ vay gốc 01 đồng và tiền lãi là 269.220.369 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 202126181989 ký ngày 06/7/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2– chi nhánh L – T8 với ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D.

1.3. Buộc ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền nợ vay gốc 100.482.779 đồng và tiền lãi là 115.231.725 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số thẻ 970403-7707 ngày 08/7/2021 giữa Ngân hàng S2 – chi nhánh L- T8 với ông Võ Ngọc T.

1.4. Buộc ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền nợ vay gốc 19.954.133 đồng và tiền lãi là 15.850.600 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số thẻ 356480-3090 ngày 08/7/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 – chi nhánh L-T8 với bà Nguyễn Thị Thùy D.

1.5. Buộc ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền nợ vay gốc 64.544.073 đồng và tiền lãi là 6.371.184 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số thẻ 970403-7012 ngày 08/7/2021 giữa Ngân hàng S2 – chi nhánh L- T8 với bà Nguyễn Thị Thùy D.

1.6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 18/12/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 chi nhánh L -PGD Kiến Tường với bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Võ Ngọc T.

2. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181996 ký ngày 06/07/2021 được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2810, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 chi nhánh L -PGD Kiến Tường với bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Võ Ngọc T.

Trường hợp ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D không thanh toán đủ số nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 301, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126181996 ký ngày 06/07/2021 được công chứng tại văn phòng C, số công chứng 2810, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD.3.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2 về tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D đối với số tiền nợ vay gốc là 1.169.999.999 đồng và nợ lãi là 328.574.194 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202126181989 ký ngày 06/7/2021.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông T và bà D đã hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S2 xong.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Võ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới nộp 47.342.000 đồng án phí.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.550.602 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002747 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt bản án theo Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Tuyết Nhung**